Phụ lục I

PHÂN BỔ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY (LẦN 2)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023																	Ghi chú
		Tỉnh giao			Địa phương giao														
					Phân bổ tại Nghị Quyết 50/NQ-HĐND ngày 20/12/2022							Phân bổ kỳ này							
			Trong đó				*Trong đó*			*Trong đó*			Phân bổ chi tiết			Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)			
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng số	Đã phân bổ chi tiết	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Chưa phân bổ chi tiết	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng số	Tổng số	*Trong đó* Vốn đầu tư phát triển	*Trong đó* Vốn sự nghiệp	Tổng số	*Trong đó* Vốn đầu tư phát triển	*Trong đó* Vốn sự nghiệp	
	Tổng số	**77,023.0**	**40,695.0**	**36,328.0**	**77,023.0**	**55,839.9**	**25,200.9**	**30,639.0**	**21,183.1**	**15,494.1**	**5,689.0**	**21,183.1**	**13,613.1**	**13,613.1**		**7,570.0**	**1,881.0**	**5,689.0**	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	11,696.0		11,696.0	11,696.0	11,696.0		11,696.0											
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	57,985.0	36,643.0	21,342.0	57,985.0	39,932.9	24,279.9	15,653.0	18,052.1	12,363.1	5,689.0	18,052.1	10,482.1	10,482.1		7,570.0	1,881.0	5,689.0	Chi tiết tại Phụ lục II
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	7,342.0	4,052.0	3,290.0	7,342.0	4,211.0	921.0	3,290.0	3,131.0	3,131.0		3,131.0	3,131.0	3,131.0					Chi tiết tại Phụ lục III

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục II

PHÂN BỔ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021 - 2025 (LẦN 2)

TT	Đơn vị	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023															Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT			Vốn SN			Chi tiết dự án thành phần								
									Dự án 1		Dự án 3			Dự án 4 (TDA 1)			
			Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Tổng cộng	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án TDA 1 Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT		
1	Toàn huyện	18,052.1	12,363.1	10,482.1	1,881.0	5,689.0		5,689.0	4,221.0	4,221.0	5,689.0	5,689.0	5,689.0	8,142.1	8,142.1		Chi tiết tại Phụ lục II.1, II.2

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 -

(1) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

(2) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

- *Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.*
- *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

(3) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc.

- *Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

(*): Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục II.1

PHÂN BỔ DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023 (LẦN 2)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
TỔNG SỐ							**11,132.0**	**10,581.7**	**12,363.1**	**10,482.1**	**1,881.0**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**						**2,969.0**	**2,969.0**	**4,221.0**	**2,969.0**	**1,252.0**	
I.1	***Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở***											
1	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2023							
2	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2023							
3	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2023							
4	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2023							
5	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2023							
I.2	***Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở***											
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2023							
2	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2023							
3	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2023							
4	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2023							
5	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng		2023							
6	Xã Rờ Kơi	UBND xã Rờ Kơi	Xã Rờ Kơi		2023							
7	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2023							
8	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa	Thị trấn Sa Thầy		2023							

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
I.3	***Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất***											
1	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2023							
2	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng		2023							
3	Xã Rờ Kơi	UBND xã Rờ Kơi	Xã Rờ Kơi		2023							
4	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2023							
5	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa	Thị trấn Sa Thầy		2023							
6	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2023							
I.4	***Nội dung số 5: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung***						**2,969.0**	2,969.0	2,969.0	2,969.0		
1	Xây dựng giếng khoan, hệ thống cấp nước và hạng mục phụ trợ thôn Tân Sang, xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	Xây dựng 02 giếng khoan, hệ thống cấp nước và hạng mục phụ trợ tại thôn Tân Sang, Hơ Moong	2023	287/QĐ-UBND, ngày 13/03/2023	2,969.0	2,969.0	2,969.0	2,969.0		
II	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**						**8,163.0**	**7,612.7**	**8,142.1**	**7,513.1**	**629.0**	
II.1	***Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi***						**8,163.0**	**7,612.7**	**8,142.1**	**7,513.1**	**629.0**	
(1)	**Ban quản lý ĐTXD huyện**						**790.0**	**746.0**	**746.0**	**746.0**		
1	Cải tạo, nâng cấp chợ tại trung tâm xã Rờ Kơi	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Kơi	Cải tạo, sửa chữa nhà lồng chính, Ki ốt, nhà vệ sinh và hạng mục phụ trợ	2023	164/QĐ-UBND, ngày 20/02/2023	790.0	746.0	746.0	746.0		
(2)	**Xã Mô Rai**						**2,510.0**	**2,369.0**	**2,369.0**	**2,369.0**		
1	Xây dựng Trường PTDTBT Tiểu học Lý Thường Kiệt (hạng mục: nhà học 04 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQLDA ĐTXD	Xã Mô Rai	Xây dựng nhà học 04 phòng và hạng mục phụ trợ	2023	171/QĐ-UBND, ngày 21/02/2023	2,510.0	2,369.0	2,369.0	2,369.0		
(3)	**Xã Rờ Kơi**						**2,042.5**	**1,848.7**	**1,749.1**	**1,749.1**		

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
1	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Tang từ rẫy ông Ngô Minh Chung đến rẫy ông Hà Văn Định	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Kơi	L=400m, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023-	169/QĐ-UBND, ngày 21/02/2023	1,398.2	1,236.7	1,137.1	1,137.1		Công trình bố trí vốn 02 năm: Năm 2023 bố trí 1.137,1 triệu đồng
2	Đường nội thôn Gia Xiêng đoạn từ nhà A Điệt đến nhà A Điu	UBND xã Rờ Kơi	Xã Rờ Kơi	L=122m, nền đường Bn=4m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	15/QĐ-UBND, ngày 13/02/2023	151.7	144.1	144.1	144.1		
3	Đường nội thôn Gia Xiêng đoạn từ nhà A Lấu đến nhà A Tha, từ nhà A Lấu đến nhà A Băn	UBND xã Rờ Kơi	Xã Rờ Kơi	L=228m, nền đường Bn=4m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	14/QĐ-UBND, ngày 13/02/2023	282.8	268.6	268.6	268.6		
4	Đường nội thôn Khok Klong đoạn từ nhà Trần Văn Giang đến nhà A Gin	UBND xã Rờ Kơi	Xã Rờ Kơi	L=169m, nền đường Bn=4m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	13/QĐ-UBND, ngày 13/02/2023	209.8	199.3	199.3	199.3		
(4)	**Xã Ya Xiêr**								**629.0**		**629.0**	
1	Xây dựng nghĩa địa làng Rắc	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr									
(5)	**Xã Ya Tăng**						**1,636.8**	**1,548.0**	**1,548.0**	**1,548.0**		
1	Đường đi khu sản xuất Ya Than (Đoạn từ rẫy ông A Keng đến rẫy ông A Sét)	BQLDA ĐTXD	Xã Ya Tăng	L=340,04m, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	170/QĐ-UBND, ngày 21/02/2023	1,636.8	1,548.0	1,548.0	1,548.0		
(6)	**Thị trấn Sa Thầy**						**910.8**	**853.0**	**853.0**	**853.0**		
1	Kiên cố hóa kênh nội đồng cánh đồng làng Kdừ	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	Kênh bê tông M200 đá (1x2), L=388, b=0,4m, h=0,5m	2023	20/QĐ-UBND, ngày 15/02/2023	218.8	206.9	206.9	206.9		
2	Đường nội làng Kleng (đoạn từ nhà A Gliuh đến đường A Gió; đoạn từ nhà A Jưp đến đất nhà A Thuyn)	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	L=265m, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	19/QĐ-UBND, ngày 15/02/2023	251.9	234.9	234.9	234.9		
3	Đường nội làng Chốt (đoạn từ A Trưng đến nhà A Lớp)	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	L=50m, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	18/QĐ-UBND, ngày 15/02/2023	51.1	47.9	47.9	47.9		
4	Đường đi khu sản suất làng Kleng (đoạn từ đường Urê đến đất ông A Lue)	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	L=369,1m, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	17/QĐ-UBND, ngày 15/02/2023	389.0	363.2	363.2	363.2		
(7)	**Xã Sa Nghĩa**						**273.0**	**248.0**	**248.0**	**248.0**		

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
1	Đường dân sinh (từ nhà ông Dài đến nhà ông Vũ)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	L=202m, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	01/QĐ-UBND, ngày 06/01/2023	273.0	248.0	248.0	248.0		
									-			

Phụ lục II.2

PHÂN BỔ DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023 (LẦN 2)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2023			Ghi chú
					Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
	TỔNG SỐ				**5,689.0**		**5,689.0**	
1	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**				**5,689.0**		**5,689.0**	
1.1	***Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân***	***PNN&PTNT***	***Huyện Sa Thầy***	***2023***	***5,689.0***		***5,689.0***	

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục III

PHÂN BỔ NGÂN DỰ TOÁN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY (LẦN 2)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023						Ghi chú
			Vốn ĐTPT			Vốn sự nghiệp			
			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	*Trong đó*		
				Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)		Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
1	**Toàn huyện**	**7,183.0**	**3,131.0**	**3,131.0**		**4,052.0**		**4,052**	Chi tiết tại Phụ lục III.1

Phụ lục III.1

PHÂN BỔ DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023 (LẦN 2)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023			Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng cộng	Giao kỳ này	Giao sau khi đủ điều kiện (*)		
	TỔNG SỐ						**4,775.2**	**4,302.2**	**3,131.0**	**3,131.0**			
I	**Xã Sa Nghĩa**						**1,913.0**	**1,719.2**	**548.0**	**548.0**			
1	Trường mầm non Hoa Sen, xã Sa Nghĩa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	BQLDA ĐTXD	Xã Sa Nghĩa	Xây dựng nhà hiệu bộ 01 tầng và hạng mục phụ trợ	2023-2025	168/QĐ-UBND, ngày 21/2/2023	1,913.0	1,719.2	548.0	548.0			
II	**Xã Sa Sơn**						**621.2**	**557.0**	**557.0**	**557.0**			
1	Đường đi khu sản xuất thôn 1 (Đoạn từ rẫy bà Đào đến rẫy ông Thái Văn Lực)	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	L=287,5m, nền đường Bn=4m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát	2023	19/QĐ-UBND, ngày 13/02/2023	309.3	278.0	278.0	278.0			
2	Đường đi khu sản xuất Thôn Bar gốc (Đoạn từ rẫy ông A Điuh đến rẫy ông Trần Văn Dương)	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	L=277,35m, nền đường Bn=4m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát	2023	20/QĐ-UBND, ngày 13/02/2023	311.9	279.0	279.0	279.0			
III	**Xã Sa Nhơn**						**1,126.0**	**1,013.0**	**1,013.0**	**1,013.0**			
1	Đường sản xuất thôn Đức Lý (đoạn từ Hội trường thôn đến giáp Vườn quốc gia Chư Mom Ray)	UBND xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn	L=300m, nền đường Bn=4m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	11/QĐ-UBND, ngày 10/02/2023	298.0	268.0	268.0	268.0			
2	Đường sản xuất khu vực cầu treo thôn Nhơn Khánh (đoạn nối tiếp)	UBND xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn	L=852m, nền đường Bn=4m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	10/QĐ-UBND, ngày 10/02/2023	828.0	745.0	745.0	745.0			
IV	**Xã Sa Bình**						**1,115.0**	**1,013.0**	**1,013.0**	**1,013.0**			
1	Đường đi khu sản xuất thôn Bình Trung (Đoạn từ rẫy ông Đông đến rẫy ông Hùng; Đoạn từ rẫy Ông Lộc đến rẫy ông Thành)	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	L=387m, nền đường Bn=4m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	14/QĐ-UBND, ngày 13/02/2023	455.0	413.0	413.0	413.0			
2	Đường đi khu Sản xuất thôn Bình Trung (Đoạn từ rẫy bà Liên đi khu sản xuất Hố heo)	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	L=493m, nền đường Bn=4m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023	15/QĐ-UBND, ngày 13/02/2023	660.0	600.0	600.0	600.0			